

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Dương Quốc T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 12 năm 2018, tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ngày 07 tháng 11 năm 2006.

Khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông T còn thường xuyên gây gỗ cãi, đánh bà H nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, bà H quyết định làm đơn xin ly hôn với ông T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Thắng L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2008 và Dương Bảo N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà H tại ấp A, xã Đ, huyện D. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng) cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Hiện tại bà H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con. Ông T làm nghề sửa chữa xe ô tô nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh ông T thu nhập hàng tháng trên 10.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Hiền không có ý kiến gì khác.

** Đối với bị đơn ông Dương Quốc T:*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông T tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình xác minh, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh B và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng có mặt nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng cố ý vắng mặt. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Riêng phần cấp dưỡng nuôi con đề nghị chỉ chấp nhận ở mức 1/2 mức lương cơ bản cho mỗi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T hiện đang cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Bà H cho rằng bà không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn tình cảm ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông T.

Bà H xin ly hôn với ông T, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vẫn không có mặt. Điều này cho thấy ông T không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo các biên bản xác minh ngày 23 tháng 01 năm 2019 thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông T thường xuyên gây gổ đánh bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung Dương Thắng L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2008 và Dương Bảo N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2013. Bà H đang là công nhân khai thác mỏ cao su của Nông trường Trần Văn Lưu; có thu nhập ổn định. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng) cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Hiện 02 con chung đang sống cùng bà H, Tòa án tham khảo ý kiến của con chung tại bản tự khai ngày 14/4/2019, con đều có nguyện vọng chung sống với bà H. Đây là sự tự nguyện, là ý chí tự nguyện của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Qua quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thấy rằng bà H cho rằng ông T có mức thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng của ông T. Vì vậy hội đồng xét xử xác nhận mức lương cơ bản theo quy định của nhà nước là 700.000 đồng/tháng/01 con chung.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Dương Quốc T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H ly hôn với ông Dương Quốc T.

+ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Thắng L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2008 và Dương Bảo N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2013.

+ Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Dương Quốc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Dương Thắng L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2008 là 700.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Dương Quốc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Dương Bảo N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2013 là 700.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Quốc T không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012819 ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ông T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Bình An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn